TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **453**/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 28/06/2022
"V/v tranh chấp: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ***Đào Thị Hồng Lý.***

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông ***Nguyễn Đình Hiền.***

2. Ông ***Phùng Văn Tầu.***

- Thư ký phiên tòa: Ông ***Nguyễn Chí Hiệp*** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Ông ***Nguyễn Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 06 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2022/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 04 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 06 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ***Chị Phan Thị H*** **-** sinh năm 1985; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi ĐKHKTT: số 151, tổ 11, phường M, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội; Hiện trú tại: số 283, tổ 7, làng S, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

- Bị đơn: ***Anh Lê Minh T*** **-** sinh năm 1983; Nghề nghiệp: Cơ khí; Nơi ĐKHKTT và hiện trú tại: số 151, tổ 11, phường M, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

* *Về tình cảm*: Chị H và anh Lê Minh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, thị xã Đ, tỉnh Hà Tây (nay là phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội) vào ngày 17/03/2003.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian đến tháng 10/2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời cờ bạc, nợ nần, không có trách nhiệm của người chồng, người cha trong gia đình dẫn đến vợ chồng đã nhiều lần cãi vã to tiếng. Trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng anh chị không tìm được tiếng nói chung. Sau mâu thuẫn vợ chồng và gia đình nội ngoại đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng đều không có kết quả. Từ ngày 25/11/2021 chị H quyết định ra ngoài thuê nhà để sống cho đến nay. Quá trình sống ly thân từ tháng 11/2021 đến nay thì mỗi người ở một nơi không ai còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, kinh tế riêng biệt.

Đến nay chị H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâu, không còn khả năng đoàn tụ. Mặc dù anh T xin hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T không còn. Vì vậy, chị H đề nghị Tòa án nhân dân quận Hà Đông giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Lê Minh T.

* *Về con chung*: Chị H và anh T có 03 con chung là Lê Thị Hải Y (nữ) sinh ngày 10/06/2004, Lê Hoài N (nữ) sinh ngày 17/03/2008 và Lê Minh Q (nam) sinh ngày 17/07/2010. Ly hôn chị H xin được nuôi cháu Lê Hoài N, còn 02 cháu là Lê Thị Hải Y và Lê Minh Q chị đề nghị Tòa án giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, nếu được nuôi cháu N, chị H không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu N cho chị H. Hiện chị H đang làm lao động tự do, thu nhập bình quân một tháng là từ 5.000.000 đồng – 6.000.000 đồng. Nếu được nuôi cháu N thì mẹ con chị H vẫn ở nhà mà chị H hiện đang thuê để ở.

* *Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản)*: Ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung.

* *Về nợ*: Quá trình chung sống vợ chồng chị H không có khoản vay nợ nào chung. Ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ.

Bị đơn là anh Lê Minh T:

* *Về tình cảm*: Anh T và chị Phan Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, thị xã Đ, tỉnh Hà Tây (nay là phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội) vào ngày 17/03/2003.

Theo anh T, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bản thân anh T mải chơi sa đà vào cờ bạc, dẫn đến nợ nần, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã to tiếng. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là vào tháng 11/2021, sau khi

vợ chồng cãi nhau thì chị H chuyển ra ngoài thuê trọ để sinh sống còn anh T vẫn sống tại số 151, tổ 11, M, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội. Quá trình sống ly thân mỗi người ở một nơi, không ai còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, kinh tế riêng biệt. Trong quá trình sống ly thân thì anh T cũng không có biện pháp gì để cải thiện, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay chị H xin ly hôn, anh T đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con cái. Trường hợp chị H vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* *Về con chung*: Anh T xác nhận anh và chị H có 03 con chung là Lê Thị Hải Y (nữ) sinh ngày 10/06/2004, Lê Hoài N (nữ) sinh ngày 17/03/2008 và Lê Minh Q (nam) sinh ngày 17/07/2010.

Trường hợp nếu phải ly hôn, chị H xin được nuôi cháu N, còn cháu Y và Q chị H đề nghị Tòa án giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T đồng ý. Anh T không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Y và Q cho anh T. Hiện tại anh T đang là công nhân mạ kẽm tại công ty Thuận Phát, có ký hợp đồng lao động với thời hạn là 12 tháng, lương 12.000.000 đồng/tháng.

* *Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản):* Ly hôn anh T xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung.

* *Về nợ:* Ly hôn anh T xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ.

Tại phiên Tòa:

* Chị Phan Thị H trình bày: Chị H vẫn giữ nguyên các ý kiến về việc xin ly hôn, về con chung, về tài sản chung, công nợ chung như đã trình bày. Riêng đối với con chung là cháu Lê Thị Hải Y, tới thời điểm hiện tại thì cháu Y đã thành niên, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung là cháu Y, còn việc ở với ai do cháu Y tự quyết định.

* Anh Lê Minh T trình bày: Anh T cũng vẫn giữ nguyên các ý kiến về việc xin ly hôn, về con chung, về tài sản chung, công nợ chung như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án; các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phan Thị H có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa chị và anh Lê Minh T. Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện trú tại: số 151, tổ 11, M, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội. nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28; 35; 39; 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phan Thị H. Giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Lê Minh T.

2. Về con chung: Xác nhận chị H và anh T có 03 con chung là Lê Thị Hải Y (nữ) sinh ngày 10/06/2004, Lê Hoài N (nữ) sinh ngày 17/03/2008 và Lê Minh Q (nam) sinh ngày 17/07/2010. Ly hôn, giao cháu Lê Hoài N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Minh Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Cả chị H và anh T đều không ai yêu cầu ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau, nên không đặt ra xem xét.

Còn đối với cháu Lê Thị Hải Y do cháu đã thành niên, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung là cháu Y, còn việc ở với ai do cháu Y tự quyết định.

Chị Phan Thị H và anh Lê Minh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không xem xét giải quyết.

4. Về nợ: Chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phan Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Chị Phan Thị H có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa chị và anh Lê Minh T. Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện trú tại: số 151, tổ 11, M, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội. nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Phan Thị H và anh Lê Minh T kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, thị xã Đ, tỉnh Hà Tây (nay là phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội) vào ngày 17/03/2003, là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H trình bày và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh T mải chơi sa đà vào cờ bạc, dẫn đến nợ nần, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã to tiếng. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là vào tháng 11/2021, sau khi vợ chồng cãi nhau thì chị H chuyển ra ngoài thuê trọ để sinh sống còn anh T vẫn sống tại số 151, tổ 11, M, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội. Quá trình sống ly thân mỗi người ở một nơi, không ai còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, kinh tế riêng biệt.

Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Anh T tha thiết đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh về đoàn tụ nuôi dạy con cái, nếu chị H vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn anh T. Anh T tha thiết xin đoàn tụ nhưng anh T không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện tình cảm và hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử thấy: Trong thời gian chung sống anh T do mải chơi sa đà vào cờ bạc, dẫn đến nợ nần, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã to tiếng, đánh cãi chửi nhau. Chị H đã nhiều lần khuyên giải anh T không đánh cờ bạc, sống có trách nhiệm với vợ, con nhưng anh T không thay đổi. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã kéo dài trong nhiều năm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ thực trạng đời sống chung và quan hệ tình cảm của chị H và anh T, việc chị H xin ly hôn anh T là phù hợp với Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015: khoản 1 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...”, khoản 2 quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do

yêu cầu của nghề nghiệp…” và tại Điều 21: “Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau”. Với điều kiện hoàn cảnh của chị H và anh T thì không thể có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị H.

[3]. Về con chung: Chị H và anh T đều thống nhất xác nhận vợ chồng anh chị có 03 con chung là Lê Thị Hải Y (nữ) sinh ngày 10/06/2004, Lê Hoài N (nữ) sinh ngày 17/03/2008 và Lê Minh Q (nam) sinh ngày 17/07/2010.

Tại phiên tòa chị H và anh T đã thống nhất tự thỏa thuận để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Cả chị H và anh T đều không ai yêu cầu ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Còn đối với cháu Lê Thị Hải Y, đến thời điểm hiện tại thì cháu Y đã thành niên, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung là cháu Y, còn việc ở với ai do cháu Y tự quyết định. Xét sự tự thỏa thuận về con của chị H và anh T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị H và anh T thống nhất xác nhận ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung, nên Tòa không xem xét.

[5]. Về nợ: Chị H và anh T thống nhất xác nhận ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ. Vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị H và anh Lê Minh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

<u>Căn cứ</u>:

- Khoản 1 Điều 51; Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị H đối với anh Lê Minh T (chị Phan Thị H được ly hôn anh Lê Minh T).

2. Về con chung: chị H và anh T thống nhất xác nhận vợ chồng anh chị có 03 con chung là Lê Thị Hải Y (nữ) sinh ngày 10/06/2004, Lê Hoài N (nữ) sinh ngày 17/03/2008 và Lê Minh Q (nam) sinh ngày 17/07/2010.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H và anh T: Giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Cả chị H và anh T đều không ai yêu cầu ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau, nên tòa không xét.

Còn đối với cháu Lê Thị Hải Y do cháu đã thành niên, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung là cháu Y, còn việc ở với ai do cháu Y tự quyết định.

Chị Phan Thị H và anh Lê Minh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): chị H và anh T thống nhất xác nhận ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung, nên Tòa không xét.

4. Về nợ: chị H và anh T thống nhất xác nhận ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ, nên Tòa không xét.

5. Về án phí: Chị Phan Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 09921 ngày 20 tháng 04 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: chị Phan Thị H và anh Lê Minh tuyên có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông;
- Cơ quan Thi hành án quận Hà Đông;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu HS/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Thị Hồng Lý